

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO
Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước; Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, UBND tỉnh Bình Định báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THI HÀNH
PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 ban hành Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định; trong đó, yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các cấp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính như: Theo dõi việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; tổ chức phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thông qua các hình thức khác nhau; nghiên cứu, đề xuất hướng xử lý đối với các vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo luật định; tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm

hành chính để kịp thời phát hiện và khắc phục những mặt còn tồn tại trong công tác này; thực hiện tốt chế độ báo cáo, thống kê công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định; bảo đảm nguồn kinh phí, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương đã xây dựng kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về XLVPHC phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị, địa phương.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 03/6/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trong đó, giao các sở, ban, ngành triển khai thực hiện một số nhiệm vụ như: Tổ chức quán triệt, phổ biến, tập huấn Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ; tổ chức kiểm tra thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; tổ chức rà soát các văn bản hiện hành về xử lý vi phạm hành chính để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp với Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Từ năm 2017 đến nay, tỉnh Bình Định đã áp dụng mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính và các nội dung chi khác cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh quy định về thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phức tạp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, ngày 15/4/2020, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2413/UBND-NC về xác định trách nhiệm, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi VPHC về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ trong việc triển khai thi hành và áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính

- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong việc bảo đảm thi hành có hiệu quả các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tổ chức phổ biến sâu rộng Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các ngành, lĩnh vực đến cán bộ, công chức, viên chức và đông đảo các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức khác nhau như: Phổ biến trực tiếp qua hội nghị, hội thảo hoặc qua đài truyền thanh, truyền hình; lồng ghép vào các buổi sinh hoạt cộng đồng ở địa phương; tổ chức ngày pháp luật; câu hỏi - đáp pháp luật; đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các câu lạc bộ “Tuổi trẻ phòng, chống tội phạm”, “Tuổi trẻ với pháp luật”, “Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý”... qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc tuân thủ pháp luật, hạn chế các hành vi vi phạm, góp phần ổn định đời sống, sản xuất cho người dân và doanh nghiệp.

- UBND tỉnh Bình Định đã phối hợp với Trung tâm Thông tin, hỗ trợ pháp luật, Cục Công tác phía Nam, Bộ Tư pháp tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác xử lý vi phạm hành chính cho cán bộ, công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính và người có thẩm quyền xử phạt tại các sở, ban, ngành, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng lực, đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục; hạn chế khiếu nại, khiếu kiện xảy ra.

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Theo Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh, trong năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định; trên cơ sở đó, giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Công an tỉnh) xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại một số đơn vị, địa phương trong tỉnh theo kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, trong năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên tỉnh Bình Định chỉ tổ chức kiểm tra 2/5 đơn vị theo kế hoạch ban đầu (Sở Công Thương và UBND thị xã Hoài Nhơn). Kết thúc đợt kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã trình UBND tỉnh ban hành kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong đó kiến nghị các bộ, ngành Trung ương về một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

Trong kỳ, một số sở, ngành trong tỉnh đã tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên một số lĩnh vực trọng điểm như: Công tác quản lý đầu tư xây dựng các Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng nông thôn mới; việc thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước; hoạt động kinh doanh du lịch và tình hình thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19; công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội và giáo dục nghề nghiệp; về hoạt động đầu tư xây dựng; tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm; hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách và kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá,...

II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Tình hình vi phạm hành chính

Hành vi vi phạm hành chính của cá nhân chủ yếu trên các lĩnh vực: Đất đai; xây dựng; môi trường; trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt; thương mại (hàng cấm, hàng lậu, hàng giả...); vệ sinh an toàn thực phẩm; mỹ phẩm, dược phẩm, y tế; nhãn hàng hóa (lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa...); khoáng sản; lâm nghiệp (phá rừng, buôn bán động vật rừng và gỗ trái phép...); thủy sản (khai thác thủy sản trái quy định, không đảm bảo an toàn khi tham gia khai thác thủy sản...); quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản (vi phạm quy định về điều kiện con người, điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm; sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm ngoài danh mục được phép sử dụng; sơ chế sản phẩm động vật không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y về cơ sở); quốc phòng, an ninh,... Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình hình vi phạm hành chính là do ý thức chấp hành pháp luật của người dân trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, đa số đối tượng vi phạm là dân nghèo nên vì lợi nhuận cá nhân mà vi phạm pháp luật; ngoài ra, do các văn bản pháp luật của bộ, ngành Trung ương thường xuyên thay đổi nên người dân rất khó để tiếp cận với các quy định mới của pháp luật.

Thời gian qua, hình thức phạt tiền là hình thức xử phạt chính thường xuyên được áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính; ngoài ra, hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và hình thức phạt cảnh cáo cũng được áp dụng. Nhìn chung, các hình phạt áp dụng đều đem lại hiệu quả và mang tính răn đe đối với các đối tượng vi phạm, góp phần hạn chế tình trạng vi phạm hành chính. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính thường được áp dụng như: Tạm giữ người; tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề; khám người, phương tiện vận tải, đồ vật; khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính,...

2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

- Tổng số vụ vi phạm: Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh có **7.112** vụ vi phạm hành chính (trong đó có 62 vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự và 20 vụ áp dụng biện pháp nhắc nhở đối với người chưa thành niên), giảm 8% so với cùng kỳ năm trước;

- Số đối tượng vi phạm là 7.422 đối tượng (269 tổ chức, 6.972 cá nhân và 181 đối tượng khác), giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước;

- Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Người có thẩm quyền xử phạt đã ban hành **7.620** quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong đó có 7.166 quyết định đã thi hành, còn lại 454 quyết định chưa thi hành xong do nhiều nguyên nhân khác nhau;

- Có 27 quyết định bị cưỡng chế thi hành, nguyên nhân là do đối tượng cố tình chống đối, không chấp hành quyết định xử phạt của người có thẩm quyền, bất hợp tác với cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; 02 quyết định xin hoãn, miễn, giảm tiền phạt và 04 quyết định bị khiếu nại, khiếu kiện;

- Số tiền phạt thu được là **27.654.288.658** đồng, tăng 59,4% so với cùng kỳ năm trước;

- Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu là **1.683.436.538** đồng, giảm 20,6% so với cùng kỳ năm trước.

3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

- Số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 12 đối tượng, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước;

- Số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 12 đối tượng (12 đối tượng đều áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn), tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước;

- Tình hình thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 12 đối tượng đang chấp hành quyết định xử lý hành chính.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Về nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền: Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, có nhiều trường hợp một người thực hiện một hành vi vi phạm hành chính nhưng có giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu vượt quá thẩm quyền của người xử phạt. Vấn đề này chưa được Luật quy định cách xác định thẩm quyền.

- Về xác định giá trị tang vật VPHC để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt: Khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định *“Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này để xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra*

quyết định tạm giữ tang vật vi phạm và thành lập Hội đồng định giá”. Tuy nhiên, trong thực tế, quy định này thường bị vi phạm, bởi vì nhiều cơ quan, đơn vị thường thành lập Hội đồng định giá chung cho các trường hợp xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, sẽ vi phạm về thẩm quyền thành lập Hội đồng cũng như thời hạn thành lập Hội đồng (theo quy định trên thì Quyết định thành lập Hội đồng định giá phải có sau Quyết định tạm giữ tang vật vi phạm).

- Về giải trình: Theo quy định của Luật thì chỉ có cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức mới có quyền giải trình. Ngoài các hình thức xử phạt trên, Điều 21 Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng quy định hình thức xử phạt *“tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính”*. Hình thức xử phạt này được áp dụng rất phổ biến, có thể được áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc hình thức xử phạt bổ sung, nhiều tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị rất lớn đã bị tịch thu như xe ô tô, máy móc,... vượt quá khung tiền phạt mà pháp luật quy định từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức. Nhưng theo quy định thì trường hợp này cá nhân, tổ chức vi phạm không được giải trình, trong nhiều trường hợp đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Theo quy định thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, quy định này không có tính khả thi, nhất là trường hợp người có thẩm quyền xử phạt là Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện. Vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng vi phạm, trong nhiều trường hợp, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm thực hiện thủ tục giải trình với người trực tiếp phát hiện, xử lý hành vi vi phạm hoặc thủ trưởng của họ.

- Theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính thì việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến. Nhiều quan điểm cho rằng quy định này được hiểu là trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính thì không phải lập biên bản vi phạm hành chính vì quy định về thời hạn ra quyết định xử phạt trong trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính là 7 ngày kể từ ngày lập biên bản, trong lúc đó chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính có thời hạn là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Như vậy, nếu không lập biên bản vi phạm hành chính thì cá nhân, tổ chức vi phạm thực hiện quyền giải trình như thế nào nếu hành vi vi phạm hành chính của họ thỏa mãn điều kiện được giải trình quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Khoản 1 Điều 57 của Luật quy định “*Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 56 của Luật này*”. Khoản 1 Điều 58 quy định “*Khi phát hiện hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này*”. Tuy nhiên, trong thực tế, quy định này hiện có nhiều cách hiểu khác nhau và áp dụng không thống nhất:

Thứ nhất, mọi trường hợp khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải lập biên bản vi phạm hành chính trừ trường hợp *xử phạt không lập biên bản* tại khoản 1 Điều 56.

Thứ hai, trong một số trường hợp không cần thiết phải lập biên bản VPHC, đó là: (1) Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính nhưng không xác định được đối tượng vi phạm thì không phải lập biên bản vi phạm hành chính, bởi vì theo khoản 2 Điều 58 và Mẫu biên bản VPHC thì biên bản phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; (2) Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển hồ sơ theo quy định tại Điều 63 thì cũng không cần thiết phải lập biên bản vi phạm hành chính, vì khoản 2 Điều này quy định “*Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến*” và “*Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm quy định tại khoản 2 Điều này thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày*”. Nếu lập biên bản VPHC thì thời hạn được tính theo quy định tại Điều 66 là 07 ngày kể từ ngày lập biên bản VPHC.

- Về tình tiết tăng nặng, tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn*” nhưng cho đến nay, các cơ quan có thẩm quyền cũng chưa có hướng dẫn thống nhất về việc xác định thế nào là “*quy mô lớn; trị giá hàng hóa lớn*” để áp dụng tình tiết tăng nặng này.

- Điều 26 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hóa, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức*”; tuy nhiên, trong thực tế rất khó xác định thế nào là hành vi vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức.

- Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này*”. Luật chỉ quy định phải kịp thời lập

biên bản mà không quy định rõ thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính là bao nhiêu ngày kể từ khi phát hiện hành vi vi phạm; trong khi có nhiều vụ việc vi phạm hành chính, biên bản vi phạm hành chính được lập sau nhiều năm kể từ khi xảy ra hành vi phạm mà không có chế tài xử lý trách nhiệm của người có thẩm quyền lập biên bản.

- Khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*”, vậy trong trường hợp không có các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà chỉ có Bản kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra hoặc văn bản khác thì có áp dụng Điều này để xử lý không.

- Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính là quá ngắn, vì đối với những vụ việc không có tình tiết phức tạp hoặc không thuộc trường hợp giải trình thì từ cấp xã chuyển lên cấp huyện để xử phạt theo thẩm quyền thường là gần hết thời hạn hoặc quá thời hạn quy định.

- Tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản*”; tuy nhiên, chưa có quy định thế nào là tình tiết phức tạp để có thể áp dụng quy định về gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt.

- Tại khoản 3 Điều 82 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, cơ quan có thẩm quyền phải xử lý theo quy định tại khoản 1 điều này*”. Tuy nhiên, đối với những vụ việc mà tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu không lớn (khối lượng lâm sản nhỏ, phương tiện xe mô tô cũ, giá trị thấp,...), nếu tổ chức đấu giá sẽ ít hiệu quả, thậm chí không đủ để chi phí cho vụ việc nên phải gộp lại nhiều vụ mới tổ chức đấu giá một lần, như thế sẽ quá thời hạn xử lý theo quy định; vì vậy, địa phương gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong việc tổ chức thực hiện quy định này.

- Tại khoản 3 và khoản 5 Điều 90 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP có quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã phường, thị trấn. Tuy nhiên, từ thực tiễn của địa phương cho thấy, các quy định trên rất khó áp dụng, dẫn đến tính giáo dục, răn đe chưa cao.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác. Tuy nhiên, từ thực tế áp dụng cho thấy, ngoài hành vi gây rối trật tự công cộng và gây thương tích cho người khác ra thì còn rất nhiều hành vi vi phạm khác cần phải tạm giữ người để thực hiện công tác xác minh, làm rõ để có căn cứ xử lý như: Vận chuyển hàng cấm, trộm cắp tài sản,...

- Khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước*”. Quy định này khi áp dụng đã gây lúng túng, khó khăn do trên thực tế, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực cụ thể chưa quy định, hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục áp dụng đối với biện pháp này; đồng thời, hầu hết các phương tiện vận tải bị tạm giữ có giá trị lớn, người lái xe đa số là làm thuê, thu nhập thấp nên không có điều kiện để nộp khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước.

- Khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị không quá 24 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 24 giờ*”. Như vậy, thời gian tạm giữ theo quy định của Luật là rất ngắn (tổng cộng tối đa không quá 48 giờ), gây khó khăn nhất định trong thực tế áp dụng cho cơ quan chức năng vì theo quy định thì Hội đồng định giá tang vật ngoài Chủ tịch Hội đồng là người có thẩm quyền tạm giữ tang vật thì thành viên là đại diện Sở Tài chính cùng cấp nên việc triệu tập cần có thời gian nhất định, trong khi không phải lúc nào việc phối hợp giữa cơ quan chủ trì và cơ quan Tài chính cũng được kịp thời.

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Chế tài xử phạt trong lĩnh vực phòng, chống tác hại thuốc lá chưa nghiêm, thiếu khả thi trong thực tế. Do đó, hiện nay, tình trạng hút thuốc lá tại nơi công cộng vẫn còn diễn ra nhưng không có cơ quan chức năng nào xử phạt.

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP có một số điều khoản quy định hình thức xử phạt bổ sung “*Tịch thu toàn bộ khoáng sản được quy đổi bằng tiền do thực hiện vi phạm hành chính*” (khoản 2 Điều 44, khoản 4 Điều 47, khoản 3 Điều 48, khoản 5 Điều 54). Tuy nhiên, Nghị định này không có điều khoản nào hướng dẫn về nguyên tắc, công thức tính để quy đổi bằng tiền đối với khối lượng khoáng sản vi phạm. Do vậy, việc thi hành quy định này chưa đảm bảo tính khả thi.

- Điều 14, Điều 15 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và hành vi thải mùi hôi thối vào môi trường. Những hành vi này thường xảy ra đối với các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ ở nông thôn và gần với sinh kế của người dân nên việc xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền hay áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động chăn nuôi, buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định rất khó khả thi. Hơn nữa, việc sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật, máy móc trong phân tích chất thải phục vụ cho công tác xử phạt đòi hỏi phải có chuyên môn, nghiệp vụ và được cấp phép hành nghề quan trắc theo quy định trong khi tại cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường chưa có cơ chế được trang bị các loại máy móc này nên gây khó khăn nhất định trong công tác xử lý vi phạm hành chính về môi trường tại địa phương.

- Khoản 9 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi *“Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định”*; theo đó, ngoài hình thức xử phạt chính là phạt tiền, hành vi này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là *“tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính”*. Trong thực tế, việc thi hành quy định này gặp nhiều khó khăn, ít hiệu quả; bởi vì, đối tượng vi phạm phần lớn là người có hoàn cảnh khó khăn, sản xuất hoạt động không ổn định hoặc là người làm thuê, thực hiện vi phạm với lỗi vô ý; tang vật vi phạm là các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không có chứa các thành phần nguy hại theo danh mục chất thải nguy hại được quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại, trọng lượng thấp (từ 1.000 kg đến dưới 5.000 kg), mức độ ô nhiễm môi trường không cao. Hành vi này, trong nhiều trường hợp có thể buộc đối tượng vi phạm thực hiện ngay biện pháp khắc phục hậu quả sẽ có tính khả thi cao hơn.

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP cùng quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường nhưng hai Nghị định này lại quy định khác nhau về hình thức xử phạt là chồng chéo, mâu thuẫn.

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP không có điều khoản quy định xử phạt vi phạm đối với những hành vi không thực hiện quan trắc môi trường đầy đủ trong khi theo quy định tại Phụ lục 10 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT thì các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có quy mô tương đương với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 32 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT phải thực hiện quan trắc môi trường với tần suất 01 lần/năm.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

- Về kinh phí, cơ sở vật chất kỹ thuật: Hàng năm, phần kinh phí thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phân bổ trong nguồn kinh phí nghiệp vụ thường xuyên của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và các sở, ban, ngành. Tuy nhiên, hiện nay, kinh phí, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh còn yếu nên mới chỉ đáp ứng được yêu cầu cơ bản, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác này (còn thiếu phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại được sử dụng để hỗ trợ phát hiện vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý).

- Về tổ chức bộ máy nhân sự: Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại các Phòng Tư pháp cấp huyện còn yếu, chưa được bổ sung biên chế nên chưa có cán bộ chuyên trách, một cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên chưa đáp ứng được yêu cầu công việc đề ra. Lực lượng thanh tra chuyên ngành tại các sở, ngành còn thiếu trong khi địa bàn và lĩnh vực quản lý rộng nên chất lượng và hiệu quả công việc chưa cao. Ngoài ra, đây là lĩnh vực khó lại chưa được tập huấn, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu nên trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

- Kinh phí cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế nên việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các ngành, lĩnh vực chưa được tổ chức thường xuyên, nhất là tại các địa phương vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh, dẫn đến tình trạng người dân do thiếu hiểu biết mà vi phạm pháp luật.

- Các bộ, ngành Trung ương chưa thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính trong từng ngành, từng lĩnh vực để nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức làm công tác xử lý, xử phạt vi phạm hành chính tại địa phương nên hiện tại, đội ngũ cán bộ có năng lực, nghiệp vụ chuyên môn trong công tác này còn thiếu và yếu.

- Bộ Tư pháp có kế hoạch phối hợp với địa phương mở các lớp tập huấn chuyên sâu về các quy định của pháp luật trong công tác xử phạt vi phạm hành chính dưới hình thức ký kết hợp đồng có thu phí; tuy nhiên, với nguồn kinh phí hạn hẹp của địa phương thì rất khó để tham gia các lớp tập huấn theo hình thức này.

2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

Trong thời gian qua, các cấp, các ngành trong tỉnh đã triển khai thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn

thuộc UBND tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (trao đổi, cung cấp thông tin về hồ sơ xử lý vi phạm hành chính và các đối tượng vi phạm...).

2.4. Về việc báo cáo, thống kê

Hiện nay, công tác báo cáo thống kê về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo Nghị định số 09/2020/NĐ-CP và Thông tư số 16/2018/TT-BTP. Tuy nhiên, theo quy định mới thì thời hạn báo cáo quá ngắn, mỗi cấp chỉ có thời hạn 02 ngày để tổng hợp báo cáo cho cấp trên (UBND cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tư pháp trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày chốt số liệu báo cáo), trong khi UBND cấp tỉnh phải tổng hợp báo cáo từ các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã nên không đảm bảo thời gian để thực hiện việc tổng hợp số liệu theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

2.5. Về công tác thanh tra, kiểm tra

Hiện nay, ngoài chế độ công tác phí và phương tiện đi lại, Bộ Tài chính chưa quy định các mức chi hỗ trợ cho các đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của UBND tỉnh trong khi mức công tác phí còn quá thấp nên chất lượng và hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành còn chưa cao.

2.6. Những khó khăn, vướng mắc khác

a) Lĩnh vực Công Thương

Các quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương (Nghị định số 127/2015/NĐ-CP, Nghị định số 54/2020/NĐ-CP và các nghị định quy định xử phạt VPHC trong các lĩnh vực của ngành) chưa phân định rõ ràng về phạm vi, thẩm quyền, chức năng trong hoạt động thanh tra chuyên ngành giữa 02 cơ quan có chức năng thanh tra chuyên ngành Công Thương ở địa phương là Thanh tra Sở Công Thương và Cục Quản lý thị trường. Do đó, dẫn đến hoạt động thanh tra chuyên ngành công thương trong một số lĩnh vực như: Hoạt động kinh doanh xăng dầu, hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm,... trên thực tế luôn phát sinh sự trùng lặp và chồng chéo về nội dung, đối tượng thanh tra trong hoạt động thanh tra chuyên ngành giữa Thanh tra Sở Công Thương và Cục Quản lý thị trường.

b) Lĩnh vực du lịch

- Tại khoản 7 Điều 10 Nghị định số 45/2019/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi *không đảm bảo điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch* quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 49 của Luật Du lịch. Tuy nhiên, quy định này không thống nhất với một số nghị định xử phạt vi phạm hành chính chuyên ngành khác như: Nghị định số 50/2016/NĐCP, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP.

- Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 45/2019/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi *không bảo đảm nhà vệ sinh theo quy định* (áp dụng đối với các cơ sở lưu trú đạt tối thiểu). Trong khi đó, Điều 22 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP không quy định, hướng dẫn cụ thể về nhà vệ sinh trong các cơ sở lưu trú đạt tối thiểu.

c) Lĩnh vực y tế

Hiện nay, số lượng cơ sở hành nghề khám chữa bệnh, kinh doanh thuốc, trang thiết bị y tế, sản xuất và kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng cả về số lượng và quy mô sản xuất kinh doanh; tình hình vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là trong lĩnh vực an toàn thực phẩm diễn biến ngày càng phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng, trong khi lực lượng thanh tra y tế còn quá mỏng so với yêu cầu nhiệm vụ được giao (tại Sở Y tế chỉ có 04 cán bộ thanh tra) nên không thể kiểm soát hết được tình trạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực này.

d) Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Lực lượng làm công tác thanh tra chuyên ngành thủy sản quá mỏng trong khi địa bàn quản lý rộng với chiều dài bờ biển khoảng 134 km, vùng nước nội địa hàng ngàn km², có 03 cảng cá lớn tập trung nhiều tàu thuyền neo đậu và hoạt động khai thác thủy sản.

- Theo Thông tư số 22/2018/TT-BNN thì định biên trên tàu công vụ của Chi cục Thủy sản thuộc tàu Nhóm II là 9 người và thuộc tàu Nhóm III là 7 người nhưng hiện tại, định biên của Chi cục chỉ 3 người thuộc tàu Nhóm II và 2 người thuộc tàu Nhóm III. Do đó, Chi cục không đảm bảo nguồn lực thanh tra chuyên ngành thường xuyên trên các vùng biển của tỉnh.

- Công tác phối hợp điều tra, xác minh, củng cố hồ sơ vi phạm về hành vi phá rừng trái pháp luật của người đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp rất nhiều khó khăn do đối tượng không hợp tác để kiểm tra lại hiện trường, không chấp hành đến cơ quan chức năng để làm việc, cố tình trốn tránh cơ quan chức năng.

- Việc thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số không thể thực hiện được do phần lớn các đối tượng vi phạm là hộ nghèo, không có tài sản để tổ chức cưỡng chế.

đ) Lĩnh vực giao thông vận tải

- Việc xử phạt và tổ chức thực hiện quy định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực hành lang an toàn giao thông đường bộ gặp nhiều khó khăn do mức phạt tiền cao, người dân thực hiện tháo dỡ công trình vi phạm còn chậm.

- Mặc dù UBND tỉnh đã ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Giao thông vận tải và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm

quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tuy nhiên, một số địa phương chưa quan tâm, tỷ lệ xử lý dứt điểm các vụ việc vi phạm còn thấp, thường áp dụng biện pháp tuyên truyền, vận động tự giác tháo dỡ.

- Một số trường hợp lái xe vận chuyển hàng hóa đường dài nên kéo dài thời gian thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính so với quy định.

- Công tác thông tin, phối hợp giữa Thanh tra giao thông, Cảnh sát giao thông và chính quyền địa phương trong xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông chưa được thực hiện thường xuyên nên việc nắm bắt thông tin vi phạm của các lái xe chưa được cập nhập kịp thời để phối hợp xử lý đạt hiệu quả.

e) Lĩnh vực xây dựng

- Công tác kiểm tra ngoài hiện trường còn gặp nhiều khó khăn, một số đối tượng còn lẩn tránh chưa thực sự hợp tác trong quá trình kiểm tra nên khó khăn trong việc xác định chủ thể vi phạm. Tại các địa phương, việc xử lý các công trình vi phạm về trật tự xây dựng chưa nghiêm, chưa áp dụng đầy đủ các biện pháp để xử lý triệt để, chế tài xử lý chưa đủ mạnh và còn nhiều bất cập, chông chéo, gây khó khăn cho công tác xử lý.

- Việc xử lý các công trình vi phạm sai nội dung giấy phép của cơ quan chức năng chỉ dừng lại ở mức độ xử phạt vi phạm hành chính, chưa thực hiện nghiêm các bước tiếp theo và biện pháp khắc phục hậu quả, nhất là việc ban hành quyết định cưỡng chế quyết định xử phạt vi phạm hành chính và việc tổ chức cưỡng chế tháo dỡ bộ phận công trình vi phạm theo quy định.

f) Lĩnh vực văn hóa, thể thao

Hiện nay, nhiều nội dung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, gia đình được quy định tại Nghị định số 158/2013/NĐ-CP và Nghị định số 28/2017/NĐ-CP đã không còn phù hợp với thực tiễn đời sống, cụ thể như:

- Hành vi tổ chức chơi cờ bạc núp bóng dịch vụ văn hóa (biến trò chơi điện tử thành hoạt động cờ bạc như máy bắn cá, đua heo, đua ngựa,...) hiện chưa có trong các quy định xử phạt vi phạm hành chính về văn hóa nên chưa có chế tài xử phạt.

- Hành vi tổ chức hát nhạc sống không đúng quy định (karaoke di động, loa kéo kéo), gây tiếng ồn lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, học tập và nghỉ ngơi của người dân nhưng hiện chưa có chế tài xử phạt nên chỉ xử lý vi phạm quy định về giờ giấc theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP. Việc xử lý vi phạm về độ ồn theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP là rất khó áp dụng vì khó thực hiện việc đo và xác định độ ồn theo quy chuẩn.

- Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ văn hoá còn gặp nhiều bất cập, cụ thể như: Theo quy định thì hoạt động kinh doanh dịch vụ vũ trường phải được cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh còn kinh doanh quán bar, club chỉ thực hiện đăng ký kinh doanh; trong khi đó, quán bar, club vẫn mở nhạc

manh phục vụ khách khiêu vũ, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý và xử lý vi phạm.

g) Một số khó khăn, vướng mắc khác tại địa phương

- Đối với các trường hợp khai thác cát trái phép trên sông bằng máy bơm hút, việc tạm giữ, tịch thu phương tiện gặp khó khăn vì không thể di chuyển được các phương tiện này vào bờ và đưa về nơi trụ sở làm việc; một số trường hợp do vượt thẩm quyền nên cấp xã lập biên bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp huyện, cấp huyện phải làm việc lại với cấp xã để xác minh vụ việc nên tốn nhiều thời gian, không đảm bảo thời hạn ra quyết định xử phạt.

- Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn việc xác nhận tình trạng nghiện để lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nghiện. Do đó, việc xác định tình trạng nghiện gặp nhiều khó khăn vì đa số những đối tượng này không có nơi cư trú ổn định và lực lượng y sĩ, bác sĩ làm công tác xác định tình trạng nghiện tại các trạm y tế xã, phường chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định. Ngoài ra, theo quy định thì cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, dẫn tới tình trạng người nghiện trốn khỏi nơi cư trú nên không lập được hồ sơ.

- Công tác lập hồ sơ đưa đối tượng vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn đầy đủ cũng như các biểu mẫu để áp dụng thực hiện. Việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định thời gian của 02 lần vi phạm trong 6 tháng là quá ngắn nên địa phương khó áp dụng trong thực tiễn.

- Hiện nay, tình hình thanh niên trốn tránh nghĩa vụ quân sự rất phổ biến, hầu như địa phương nào cũng có; tuy nhiên, theo quy định tại Điều 332 Bộ luật Hình sự thì chỉ có hành vi *không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ* đã bị xử phạt vi phạm hành chính mới truy cứu trách nhiệm hình sự, còn hành vi *không chấp hành lệnh gọi kiểm tra, khám sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ quân sự* thì không quy định. Do vậy, địa phương gặp nhiều khó khăn trong công tác tuyển quân hằng năm.

- Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế khôi phục lại hiện trạng đối với các trường hợp lấn chiếm đất, mặt nước để xây nhà, các công trình trái phép tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn do không có kinh phí hỗ trợ; trong khi người vi phạm không chịu chi trả chi phí cưỡng chế.

- Việc xử lý thu gom lưới lồng theo chủ trương của UBND tỉnh khó thực hiện do ảnh hưởng đến kế mưu sinh của người dân.

- Tại cấp huyện chưa được trang bị các phương tiện hiện đại hỗ trợ phát hiện hành vi vi phạm như đo tiếng ồn, xác định mức độ ô nhiễm môi trường... nên việc phát hiện và xử lý vi phạm trong các lĩnh vực này phải nhờ sự can thiệp của các cơ quan cấp trên.

- Nguồn kinh phí tại cấp huyện và cấp xã còn hạn chế, chưa được cân đối đảm bảo; do đó, kinh phí cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chủ yếu sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị được cấp đầu năm nên còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cơ quan, đơn vị trong tỉnh chưa có sự quan tâm, đầu tư đúng mức đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

- Việc đảm bảo kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn hạn chế, chưa kịp thời, chưa đáp ứng được hết yêu cầu của công việc;

- Một số cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác xử lý, xử phạt vi phạm hành chính còn hạn chế về năng lực, nghiên cứu văn bản chưa kỹ, chưa sâu nên việc áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính chưa đảm bảo theo quy định;

- Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế, nhất là người dân tại các địa phương vùng sâu, vùng xa nên tình trạng vi phạm pháp luật còn xảy ra nhiều;

- Sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực còn thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, dẫn đến chất lượng và hiệu quả chưa cao.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính của các bộ, ngành Trung ương còn tồn tại nhiều bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nên trong quá trình áp dụng pháp luật còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc;

- Nguồn biên chế của tỉnh nói chung và biên chế của cơ quan tư pháp các cấp, lực lượng cán bộ pháp chế ở các sở, ngành trên địa bàn tỉnh nói riêng chưa đủ để đảm bảo thực hiện tốt công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu đặt ra. Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế ở các sở, ngành phần lớn đều là kiêm nhiệm, chưa bố trí được biên chế chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này;

- Bộ Tài chính và UBND tỉnh đã ban hành quy định mức chi cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tuy nhiên, do nguồn kinh phí hạn hẹp nên nhiều đơn vị, địa phương vẫn chưa bố trí kinh phí để chi cho công tác này. Ngoài ra, vẫn còn nhiều nhiệm vụ quan trọng trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa được Bộ Tài chính quy định các mức chi hỗ trợ

như: Công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành; hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính,...

4. Đề xuất, kiến nghị

Để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, UBND tỉnh Bình Định kiến nghị:

- Bộ Tư pháp cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kịp thời sửa đổi, bổ sung những điểm bất cập, hạn chế của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các nghị định có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, khả thi khi áp dụng thực hiện;

- Bộ Tư pháp sớm sửa đổi, bổ sung thông tư quy định chế độ báo cáo trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo hướng kéo dài thời hạn báo cáo; đồng thời, quy định thời điểm chốt số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của địa phương trùng với thời điểm chốt số liệu báo cáo của các cơ quan ngành dọc để thuận lợi hơn trong quá trình tổng hợp;

- Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính quy định thêm các mức chi hỗ trợ cho công thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với một số nhiệm vụ quan trọng như: Công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành; hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính, ... để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của công tác này;

- Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính bổ sung biên chế và kinh phí cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và các sở, ngành để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo quy định;

- Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành liên quan tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực cụ thể cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

Trên đây là kết quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLXLVPHC&TĐTHTHPL-BTP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh